

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2010/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 7 năm 2010

### **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường  
đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 24**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh về phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/5/2008 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 82/2009/NĐ-CP ngày 12/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/5/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 67/2008/TT-BTC ngày 21/7/2008 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/5/2008 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 1992/TTr-UBND ngày 07/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

**1. Đối tượng nộp phí:**

Các tổ chức, cá nhân khai thác các loại khoáng sản như: đá, Fenspat, sỏi, cát, đất, than, nước khoáng thiên nhiên, sa khoáng titan (ilmenit), các loại khoáng sản kim loại, quặng apatit và các loại khoáng sản khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Mức thu phí:**

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đá:		
a	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	m <sup>3</sup>	50.000
b	Quặng đá quý (kim cương, ru bi, saphia, emôrit, alexandrit, opan quý màu đen, a dit, rôđôlit, pyrôp, berin, spinen, tôpaz, thạch anh tinh thể, crizôlit, pan quý, birusa, nêfitit...)	Tấn	50.000
c	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m <sup>3</sup>	1.000
d	Các loại đá khác (đá làm xi măng, khoáng chất công nghiệp...)	m <sup>3</sup>	2.000
2	Fenspat	m <sup>3</sup>	20.000
3	Sỏi, cuội, sạn	m <sup>3</sup>	4.000
4	Cát:		
a	Cát vàng (cát xây tô)	m <sup>3</sup>	3.000
b	Cát thủy tinh	m <sup>3</sup>	5.000
c	Các loại cát khác	m <sup>3</sup>	2.000
5	Đất:		
a	Đất sét làm gạch, ngói	m <sup>3</sup>	1.500
b	Đất làm thạch cao	m <sup>3</sup>	2.000
c	Đất làm cao lanh	m <sup>3</sup>	5.000
d	Các loại đất khác	m <sup>3</sup>	1.000
6	Than:		
a	Than đá	Tấn	6.000
b	Than bùn	Tấn	2.000
c	Các loại than khác	Tấn	4.000
7	Nước khoáng thiên nhiên	m <sup>3</sup>	2.000
8	Sa khoáng titan (ilmenit)	Tấn	50.000
9	Quặng apatít	Tấn	3.000
10	Quặng khoáng sản kim loại:		
a	Quặng mangan	Tấn	30.000
b	Quặng sắt	Tấn	40.000
c	Quặng chì	Tấn	180.000

d	Quặng kẽm	Tấn	180.000
e	Quặng đồng	Tấn	35.000
f	Quặng bô xít	Tấn	30.000
g	Quặng thiếc	Tấn	180.000
h	Quặng cromit	Tấn	40.000
11	Quặng khoáng sản khác	Tấn	10.000

### 3. Quản lý và sử dụng:

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% để hỗ trợ cho công tác bảo vệ và đầu tư cho môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định tại Nghị định số 63/2008/NĐ-CP ngày 13/5/2008 của Chính phủ. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2010./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Minh Toản**